7 Khu vực phía Đông, phía Bắc

Độ sâu ngập nước tối đa
- 10.0 m đến dưới 20.0 m (không có)
- 5.0 m ~ dưới 10.0 m
- 3.0 m ~ dưới 5.0 m
- 0.5 m ~ dưới 3.0 m
- Dưới 0.5 m

Khu vực có nguy cơ bị cuốn trôi nhà cửa

Khu vực cảnh báo đặc biệt sạt lở đất

Khu vực cảnh báo sạt lở đất

Vị trí nguy hiểm (đường bán ngầm)

Điểm sơ tán được chỉ định
điểm sơ tán khẩn cấp được chỉ định
điểm sơ tán tạm thời

Chữ màu đỏ hiển thị bên trái ký hiệu:
"Sân thượng" "Tầng 3" "Tầng 2"

Cơ sở y tế (Bệnh viện trung tâm cứu trợ thiên tai, Bệnh viện hỗ trợ thiên tai)

Cảnh sát

Cứu hỏa

Tòa thị chính, Chi nhánh

Trạm quan trắc mực nước

Về Bản đồ nguy cơ lũ lụt này

Bản đồ nguy cơ lũ lụt này thể hiện độ sâu ngập tối đa, bằng cách chồng ghép các khu vực có nguy cơ ngập lụt dựa trên kịch bản lũ lớn nhất có thể xảy ra đối với 50 con sông dự báo lũ vào thông báo mực nước được nêu từ trang 35 đến trang 46 cũng như các con sông khác.
Ngập lụt vẫn có thể xảy ra ở các khu vực ngoài vùng có nguy cơ ngập lụt nêu ở đây, và độ sâu ngập lụt thực tế có thể khác với độ sâu dự đoán.

Phạm vi hiển thị của bản đồ

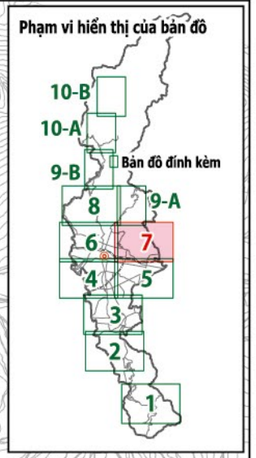

Thành phố Fuefuki

3.Trường THCS Higashi tầng 2

2.Trường Tiểu học Satogaki tầng 2

下積翠寺町 古府中町 岩窪町 古府中町 善光寺町 元紺屋町 東光寺町 東光寺３丁目 愛宕町 東光寺２丁目 善光寺町 酒折町 東光寺１丁目 善光寺２丁目 善光寺３丁目 酒折３丁目 城東１丁目 城東３丁目 善光寺１丁目 酒折１丁目 城東５丁目 城東４丁目 横根町 桜井町

Tuyến JR Chuo Tuyến JR Minobu Ga Zenkoji Ga Sakori Ga Isawa Onsen

Sông Fujikawa Sông Takakuragawa Sông Daiengawa Sông Oyamasawagawa Sông Jurogawa Sông Byodogawa

31 119 6 109 411 102 140 307 208

この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)

N 0 500m 1:15,000